

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 09/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+CTC1+RC3	7:25	18+2+2	0+0+0		11+1+3	0+0+0	chuyen 1 rp2-ctc1
2		TD2+P10+P7	7:25	11+11+0	0+0+0		6+14+0	0+0+0	chuyen 2 p10-p7
3		CTC1+P2+TD2	7:25	11+3+8	0+0+0		0+4+18	0+0+0	
4		P4+BK9+RP3	9:25	8+0+14	0+0+0		4+0+11	0+0+0	chuyen 4 bk9-rp3
5		P10+BK15+PPD	9:25	4+0+18	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 P10-BK15
6		TD2+P4	9:25	17+5	0+0		11+11	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: NO 1	TO: RP2 - CTC1 - RC3	CREW: CHIẾN - QViệt - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HÙNG CƯỜNG	RP2	85	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY HUNG	RP2	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN DUNG	RP2	66	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN LIÊM	RP2	59	1	8	35	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HAI	RP2	75-76	2			68	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ LAM	RP2	87	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐỖ ĐỨC CƯỜNG	RP2	56-57	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT NHƯÔNG	RP2	86	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	VÕ HOÀNG CẨM	RP2	62	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	84	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG VINH	RP2	60	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG NGỌC LAN	RP2	68-69	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
13	LƯƠNG NGỌC THANH	RP2	70	1	6		87	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỮU QUAN	RP2	58	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	74	1	18		64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ BA HÒA	RP2	61	1	18		78	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HỒNG CƯỜNG	RP2	64-65	2	20		75	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO ĐỨC THAI	RP2	67,88	2	16		93	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI SY HIÊU	CTC1	17	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HAI	CTC1	18	1	20		85	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM THÊ MẠNH	RC3	16-18	3	20		76	KH-THAC	Vietnamese
22	DƯƠNG MINH KHANH	RC3	13	1	8	30	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	23	172	1.316	35	11	1	CHUYEN 01 KHACH TU RP2 SANG CTC1
2	CTC1	2	2	26	145	0	1		
3	RC3	2	4	28	136	30	3		
TOTAL		22	29	226	1.597	65	15		
WEIGHT KG				226	1.597	65			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: NO 2	TO: TD2 - P10 - P7	CREW: Linh - HUNG - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

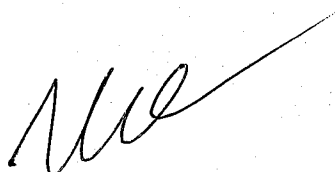
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GONCHAROV SERGEY	TD2	41	1	10		101	KHOAN	Russian
2	TRUONG THANH TUNG	TD2	43	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
3	VUONG DINH LIEN	TD2	40	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
4	LE VIET CHIEN	TD2	38	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
5	DO VAN HUNG	TD2	32	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN HUNG HUNG	TD2	48	1	5		95	KHOAN	Vietnamese
7	LE THANH TUNG	TD2	26	1	13		78	KHOAN	Vietnamese
8	MAI VAN HOANG	TD2	39	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	CAO VAN LOI	TD2	46-47	2	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NGO QUANG HUNG	TD2	44-45	2	9		79	KHOAN	Vietnamese
11	LE MINH DUC	TD2	42	1	5		92	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN TRUONG	P10	98	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN VAN LEN	P10	02	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN VAN THANH	P10	08	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN MANH TINH	P10	93	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
16	DAU CAO KHANG	P10	96	1	10		50	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN TRONG TUAN	P10	95	1	7	90	72	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN BAO TOAN	P10	100	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HUYNH CONG VAN	P10	99	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN CONG HOAN	P10	01	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGO HONG GIANG	P10	94	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN HOANG OANH	P10	97	1	5		85	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

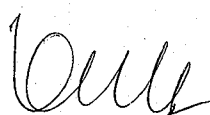
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	13	75	865	0	6		CHUYEN 2 PAX P10-P7
2	P10	11	11	74	803	90	14	42	
3	P7	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	149	1.668	90	20		
WEIGHT KG				149	1.668	90			

GRAND TOAL: 1.907 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: NO 3	TO: CTC1 - P2 - TD2	CREW: Nam - Mạnh - HIẾU	ETA: 09:30
VANG - 1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM ĐỨC HOÀNG	CTC1	48-49	2	10	20	74		KH-THAC
2	HÀ VĂN CĂN	CTC1	50	1	12		62		KH-THAC
3	TRẦN KIM THẠCH	CTC1	51-52	2	10		67		KH-THAC
4	PHẠM ANH TUẤN	CTC1	45-46	2	12		63		KH-THAC
5	DƯƠNG MẠNH PHU	CTC1	60	1	10		77		KH-THAC
6	NGUYỄN VĂN LUƠNG	CTC1	53-54	2	16		73		KH-THAC
7	LÊ XUÂN TUẤN	CTC1	56-58	3	15		58		KH-THAC
8	NGUYỄN VĂN TRẠI	CTC1	47	1	10		66		KH-THAC
9	PHẠM THÈ PHONG	CTC1	59	1	5		65		KH-THAC
10	TRƯỜNG VĂN BÀ	CTC1	55	1	5		73		KH-THAC
11	TRẦN ANH TUẤN	CTC1	61	1	5		63		GETRACO
12	ĐẠO VĂN ĐỨC	P2	01	1	5		69		KH-THAC
13	LÊ TRI HẠO	P2					70		KH-THAC
14	ĐINH VĂN HAI	P2	02	1	6		57		KH-THAC
15	VŨ ĐỨC THÀNH	TD2	98-99	2	10		65		KHOAN
16	HÀ VĂN LINH	TD2	91-92	2	10		90		KHOAN
17	LÊ TUẤN NGHĨA	TD2	94-95	2	9		72		KHOAN
18	VŨ THẬP TOÀN	TD2	93	1	5		65		KHOAN
19	LÊ VĂN NAM	TD2					80		KHOAN
20	NGUYỄN VĂN ĐUẬN	TD2	97	1	5		62		KHOAN
21	ĐINH VĂN HUÂN	TD2	600	1	7		81		KHOAN
22	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	96	1	3		53		KHOAN

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	11	17	110	741	20	0		
2	P2	3	2	11	196	0	4		
3	TD2	8	10	49	568	0	18		
TOTAL		22	29	170	1.505	20	22		
WEIGHT KG				170	1.505	20			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: NO 4	TO: P4 - BK9 - RP3	CREW: CHIẾN - QViệt - Toan	ETA: 11:40
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÀN THANH CÔNG	P4	15	1	7		75	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	19-20	2	5		55	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	14	1	5		73	KHI	Vietnamese
4	HOANG VAN HUNG	P4					75	KHI	Vietnamese
5	TẠ VĂN QUYNH	P4				80	70	KHI	Vietnamese
6	HOANG TRỌNG TÂN	P4	21	1	6		81	KHI	Vietnamese
7	BUI ĐĂNG TIEN	P4	18	1	6		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ANH	P4	16-17	2	8		67	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOANG ANH	RP3	48-49	2	11		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HOANG NAM	RP3	90	1	7		79	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍNH THI	RP3	92	1	3		75	KHI	Vietnamese
12	VŨ MẠNH CUÔNG	RP3	89	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	91	1	10		83	KHI	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	95	1	5		73	KHI	Vietnamese
15	BUI VĂN PHÚ	RP3	93	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	TRINH QUANG HUY	RP3					70	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	94	1	7		75	KHI	Vietnamese
18	LƯƠNG ĐỨC THIÊN	RP3	97	1	9		103	KHI	Vietnamese
19	DOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	96	1	8		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐẶC ĐẠT	RP3	46-47	2	12		67	KHI	Vietnamese
21	MAI ĐỨC CUÔNG	RP3	44-45	2	8		70	KHI	Vietnamese
22	THAI DOÀN VIỆT	RP3	42-43	2	11		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	8	37	566	80	4		CHUYEN 4 PAX BK9-RP3
2	BK9	0	0	0	0	0	0	+4	
3	RP3	14	17	100	1.045	0	11		
TOTAL		22	25	137	1.611	80	15		
WEIGHT KG				137	1.611	80			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: NO 4	TO: P4 - BK9 - RP3	CREW: CHIẾN - QViệt - Toan	ETA: 11:40
CAM - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOÀN THANH CÔNG	P4	15	1	7		75	KHI	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	19-20	2	5		55	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU LUẬN	P4	14	1	5		73	KHI	Vietnamese
4	HOÀNG VĂN HÙNG	P4					75	KHI	Vietnamese
5	TẠ VĂN QUYNH	P4				80	70	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	21	1	6		81	KHI	Vietnamese
7	BUI ĐĂNG TIỀN	P4	18	1	6		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN ANH	P4	16-17	2	8		67	KHI	Vietnamese
9	LÊ HOÀNG ANH	RP3	48-49	2	11		70	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN HOÀNG NAM	RP3	90	1	7		79	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN CHÍNH THỊ	RP3	92	1	3		75	KHI	Vietnamese
12	VŨ MẠNH CƯỜNG	RP3	89	1	5		72	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	91	1	10		83	KHI	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	95	1	5		73	KHI	Vietnamese
15	BUI VĂN PHÚ	RP3	93	1	4		70	KHI	Vietnamese
16	TRINH QUANG HUY	RP3					70	KHI	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HIỀN	RP3	94	1	7		75	KHI	Vietnamese
18	LƯƠNG ĐỨC THIÊN	RP3	97	1	9		103	KHI	Vietnamese
19	DOÀN XUÂN CHIẾN	RP3	96	1	8		71	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐẮC ĐẠT	RP3	46-47	2	12		67	KHI	Vietnamese
21	MAI ĐỨC CƯỜNG	RP3	44-45	2	8		70	KHI	Vietnamese
22	THAI DOÀN VIỆT	RP3	42-43	2	11		67	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	8	8	37	566	80	4		CHUYEN 4 PAX BK9-RP3
2	BK9	0	0	0	0	0	0		
3	RP3	14	17	100	1.045	0	11		
TOTAL		22	25	137	1.611	80	15		
WEIGHT KG				137	1.611	80			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 09/01/2022	TO: P10 - BK15 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: NO 5	FROM: VT	CREW: Linh - HUNG - Huy	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN NAM	P10	10-11	2	10		98	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHANH TOAN	P10	09	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM HUU TRI	P10	12	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VIET DAI	PPD	89	1	4		73	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	98	1	5		75	KHI	Vietnamese
6	TRẦN SƠN NAM	PPD	88	1	5		85	KHI	Vietnamese
7	ĐINH NGỌC QUÝ	PPD	94	1	5		73	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN QUANG	PPD	85	1	5		66	KHI	Vietnamese
9	LÊ HỒNG PHONG	PPD	99	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC DUY	PPD	79-80	2	7		70	KHI	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HAO	PPD	200	1	10		74	KHI	Vietnamese
12	TRẦN NGUYEN TÂN TÀI	PPD	91-92	2	10		85	KHI	Vietnamese
13	ĐẠO ANH TUÂN	PPD	84	1	5		70	KHI	Vietnamese
14	BUI NGOC HUONG	PPD	86	1	6		63	KHI	Vietnamese
15	VU VAN CHIEN	PPD	90	1	5		72	KHI	Vietnamese
16	CHU MINH PHƯƠNG	PPD	93	1	6		90	KHI	Vietnamese
17	NGHIEM XUAN MINH	PPD	87	1	5		62	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TRUONG SON	PPD	95-96	2	12	10	60	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN VAN CHIEN	PPD	97	1	5		54	KHI	Vietnamese
20	LÊ MINH PHỤNG	PPD	81	1	5		77	KHI	Vietnamese
21	KHÔNG TIEN DUNG	PPD	82	1	5		78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	3	4	23	243	0	0	+1	CHUYEN 1 P10-BK15
2	BK15	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	18	21	110	1.307	10	22		
TOTAL		21	25	133	1.550	10	22		
WEIGHT KG				133	1.550	10			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 09/01/2022	TO: MRM - TD2 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: NO 6	FROM: VT	CREW: Nam - Mạnh - HIẾU	ETA: 11:50
XANH-2		<i>1/1</i>	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN TÀI	TD2	60	1	4		53	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	50	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
3	ĐINH QUANG CHIẾN	TD2	59	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TỊNH	TD2	52	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
5	LUƠNG HÙNG TRIẾT	TD2	53	1	15		67	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HẢI NGÂN	TD2	56	1	12		58	KHOAN	Vietnamese
7	TÔNG VĂN THẾ	TD2	54-55	2	20		73	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THUẬN VŨ	TD2	61	1	13	32	87	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	TD2	57	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	49	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN BA KỶ	TD2					80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	TD2	65-66	2	17		63	CO DIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH CÔNG	TD2	62	1	12		72	CO DIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN NHẬT MINH	TD2	63-64	2	15		68	CO DIEN	Vietnamese
15	LÝ XUÂN TRUNG	TD2	51	1	12		68	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	80-81	2	10		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG KIỂM	P4	79	1	5		80	KHI	Vietnamese
18	PHẠM HỮU THỌ	P4	82-83	2	13		82	KHI	Vietnamese
19	OVCHARENKO A. N.	P4	84-85	2	11		87	KH-THAC	Russian
20	NGUYỄN THANH TÂM	P4	77-78	2	13		69	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	0	0	0	0	80	0		THAO 2 GHE CHO HANG MRM
2	TD2	15	17	155	1.044	32	9		
3	P4	5	9	52	388	0	11		
TOTAL		20	26	207	1.432	112	20		
WEIGHT KG				207	1.432	112			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/01/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+GTC1+BK14	7:25	13+0+9	0+0+0		9+0+6	0+0+0	chuyen 4 GTC1-BK14
2		TD3+BK9	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
3		TD5+PPD	7:25	11+11	0+0		10+12	0+0	
4		CNV+P1+TD5	9:25	3+0+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 P1-TD5
5		AMD+HST+CNV	9:25	18+2+2	0+0		11+3+6	0+0	
6		RP2+TD3	9:25	5+17	0+0		0+21	0+0	
7		CTK3+TGTH1+HSD	11:15	6+5+2	0+0+0		2+5+11	0+0+0	
8		PPD+CTK3	11:25	19+3	0+0		16+5	0+0	
									HUY 1 CHUYEN

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CTK3 - GTC1 - BK14	CREW: Dương - Phong - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TÙNG DƯƠNG	CTK3	15	1	11	32	60	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NINH BÌNH	CTK3	26-27	2	14		70	WOGC (VS	Vietnamese
3	CÚ XUÂN HUY	CTK3	23	1	5		65	HVJOC	Vietnamese
4	LƯU VĂN HOÀ	CTK3	30-31	2	14		71	VPI (HVJO	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN HỢP	CTK3	28-29	2	16		65	VPI (HVJO	Vietnamese
6	PHẠM MINH TUÂN	CTK3	17-18	2	14		69	KH-THAC	Vietnamese
7	SMIRNOV S.S	CTK3	22	1	7		91	KH-THAC	Russian
8	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG XUÂN HIẾU	CTK3	19	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	20	1	8		49	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN HOANG SƠN	CTK3	16	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	24-25	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH XUAN TOAN	CTK3	09-11	3	20		62	THONG TI	Vietnamese
15	NGUYEN VAN MINH	CTK3	08	1	18		82	THONG TI	Vietnamese
16	LÊ ANH TUÂN	BK14	74	1	6	35	81	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CỎ	BK14	73	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT LONG	BK14	75	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	VU DINH HUY	BK14	76	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN BA	BK14	71	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
21	LÝ BĂNG	BK14	77	1	14		76	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAN KHẮC THẮNG	BK14	72	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	15	22	163	1.029	32	11		CHUYEN 4 PAX TU GTC1 SANG BK14
2	GTC1	0	0	0	0	0	0		
3	BK14	7	7	47	478	35	6		
TOTAL		22	29	210	1.507	67	17		
WEIGHT KG				210	1.507	67			

GRAND TOAL: 1.784 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	TO: TD3 - BK9	CREW: ĐỨC - VTHU - TSON	ETA: 09:20
VANGA			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI	TD3	23	1	9		76	KHOAN	Vietnamese
2	ASKAROV DENIS	TD3	38	1	15		86	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VĂN QUÝ	TD3	36-37	2	10		65	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN QUANG BÁC	TD3	40	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG MINH TOAN	TD3	31	1	5	80	57	KHOAN	Vietnamese
6	LAI THÈ ĐẠT	TD3	26	1	8		90	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ ANH THOẠI	TD3	34	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN NINH	TD3	30	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM DƯƠNG HAI	TD3	39	1	7		68	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	25	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	24	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ TU HỢP	TD3	29	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
13	NGÔ DUY THÀNH	TD3	22	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN BIÊN	TD3	32	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	21	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	27	1	4		73	KHOAN	Vietnamese
17	PHẠM THANH DỪNG	TD3	28	1	4		66	KHOAN	Vietnamese
18	VUONG HUU QUỐC THAI	TD3	35	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
19	LE VAN NGHIA	TD3	33	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
20	VÔ THÈ HẬU	BK9				20	76	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÀO ĐỨC THĂNG	BK9	93	1	7	18	71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	19	20	135	1.369	80	19		
2	BK9	2	1	7	147	38	3		
TOTAL		21	21	142	1.516	118	22		
WEIGHT KG				142	1.516	118			

GRAND TOAL: 1.776 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2022	TO: TD5 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LTuấn - VThắng - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHUSH MAKSIM	TD5	15	1	7		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN DUY TAM	TD5	05	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN TAN VINH	TD5	08-09	2	10		88	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BINH	TD5	03	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN THANH	TD5	01-02	2	13		65	KHOAN	Vietnamese
6	TRINH ANH TRUONG	TD5	06	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN HIEN	TD5	07	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VINH DUY	TD5	16-17	2	15		66	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC CUONG	TD5	10	1	7	15	60	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VIEN	TD5	04	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
11	VU HONG DUC	TD5	13	1	5	20	61	WEATHER	Vietnamese
12	LE SY KHOA	PPD				40	77	KH-THAC	Vietnamese
13	LE XUAN MINH	PPD	74	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN DINH THANG	PPD	70	1	9		52	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN VAN THANG	PPD	75	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH TRUNG	PPD	77	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN VAN VINH	PPD	76	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN DANH TUAN	PPD	71	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN VAN DUONG	PPD	78	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUY HOANG	PPD					92	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH NAM	PPD	69	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRINH VAN NHA	PPD	72-73	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	11	14	84	780	35	10		
2	PPD	11	10	64	780	40	12		
TOTAL		22	24	148	1.560	75	22		
WEIGHT KG				148	1.560	75			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: CNV - P1 - TD5	CREW: Dương - Phong - THỤ	ETA: 11:10
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG MANH	CNV	07-09	3	12		63	KH-THAC	Vietnamese
2	DINH VAN SON	CNV	06	1	6	60	75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN NGOC TRI	CNV	05	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HUU TRONG	TD5	31-32	2	20		66	WEATHER	Vietnamese
5	TRAN VIET KHA	TD5	35-36	2	15		70	WEATHER	Vietnamese
6	RAY MISSION	TD5	33-34	2	20		74	WEATHER	Filipino
7	NGUYEN VAN PHU	TD5	41-42	2	18		67	M-I VIET N	Vietnamese
8	TRINH QUANG TIEN	TD5	43-44	2	14		69	M-I VIET N	Vietnamese
9	PHAM VAN CHIEN	TD5	39	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
10	TU DUONG DUNG	TD5	21	1	11		72	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM XUAN THUY	TD5	26	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG THAI	TD5	22-23	2	14		76	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HOAN	TD5	24	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	30	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
15	LUU XUAN HANH	TD5	25	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN QUANG UT	TD5	37-38	2	20		73	SCHLUMB	Vietnamese
17	ĐO HOAI THANH	TD5	19-20	2	18		73	DVL	Vietnamese
18	VÔ HỮU TÂN	TD5	40	1	9		79	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD5	27	1	11		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYEN HUU VIET	TD5	18	1	15		61	DVL	Vietnamese
21	TẠ QUANG THANH	TD5	28-29	2	15		67	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	3	5	24	202	60	0		CHUYEN 2 PAX P1 - TD5
2	P1	0	0	0	0	0	0 + 2		
3	TD5	18	27	239	1.279	0	22		
TOTAL		21	32	263	1.481	60	22		
WEIGHT KG				263	1.481	60			

GRAND TOAL: 1.804 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2022	TO: AMD - HST - CNV	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:35
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTuấn - VThắng - Vũ	ETA: 11:15
CAM-2			

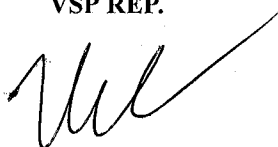
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC PHÚC	AMD	15-16	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN QUANG LONG	AMD	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
3	YA LỘC	AMD	21-22	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	23	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	13-14	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SỸ QUYÊN	AMD	20	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN DUÂN	AMD	96-97	2	12		65	CÔNG TY T	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHÍNH	AMD	03	1	5		68	HLJOC	Vietnamese
10	CAO ĐỨC HẠNH	AMD	98	1	12		75	HLJOC	Vietnamese
11	ĐO TÂN TUÂN	AMD	10-11	2	15	15	60	HLJOC	Vietnamese
12	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	18	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	AMD	17	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	CHU VĂN HẢO	AMD	01-02	2	9		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TÍNH	AMD	99-100	2	16		78	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	AMD	04-05	2	16		54	CODIEN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC ANH	AMD	06-07	2	14		76	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐOÀN	AMD	08-09	2	13	66	98	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN BA QUÂN	HST	31-32	2	12		81	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN PHẠNG	HST	30	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG HAI	CNV	02	1	20		80	KH-THAC	Vietnamese
22	HOANG VIET HUNG	CNV	01	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

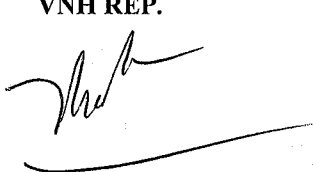
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	28	186	1.276	81	11		
2	HST	2	3	18	146	0	3		
3	CNV	2	2	29	150	0	6		
TOTAL		22	33	233	1.572	81	20		
WEIGHT KG				233	1.572	81			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: RP2 - TD3	CREW: ĐỨC - VTHU - TSON	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG NGỌC LINH	RP2	82-83	2	12		66	NAM TIEN	Vietnamese
2	HOANG MINH THUẬN	RP2	78	1	5		76	NAM TIEN	Vietnamese
3	VÕ THANH CHUNG	RP2	79	1	4		63	NAM TIEN	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TRÁ	RP2	77	1	6		75	NAM TIEN	Vietnamese
5	LÂM QUỐC KHÁNH	RP2	80-81	2	5		76	NAM TIEN	Vietnamese
6	VŨ NGỌC THANH	TD3	52-53	2	7		69	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ NGỌC SƠN	TD3	59	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC HOÀN	TD3	51	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ TIẾN DUNG	TD3	55	1	7		57	DVL	Vietnamese
10	TRẦN VĂN GIANG	TD3	57	1	10		70	DVL	Vietnamese
11	TẠ QUỐC VIỆT	TD3	49	1	10	10	60	YTE	Vietnamese
12	HOANG GIANG LAM	TD3				20	70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH MƯỜI	TD3	46	1	5		71	PSV	Vietnamese
14	TRẦN VĂN LỤC	TD3	50	1	10		90	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	47	1	3		63	PSV	Vietnamese
16	HỒ SỸ THANH	TD3					57	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN	TD3	48	1	3		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LẬP	TD3	45	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN HAI	TD3	56	1	3		61	PSV	Vietnamese
20	PHAN CHÍNH QUY	TD3	54	1	6		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	7	32	356	0	0		
2	TD3	15	14	78	1.008	30	21		
TOTAL		20	21	110	1.364	30	21		
WEIGHT KG				110	1.364	30			

GRAND TOAL: 1.504 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 610	ETD: 11:25
FLIGHT: 07	TO: CTK3 - TGTH1 - HSD	CREW: Tường - ATUẤN	ETA: 13:25
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN TRUNG KIEN	CTK3	93	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN NAM	CTK3	94	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM NGOC CHIEN	CTK3	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VAN CHUYEN	CTK3	96	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI MINH HAI	CTK3	98-99	2	8		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HIEU TRUNG	CTK3	91-92	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
7	DINH QUANG HOAN	CTK3	97	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI THANH THAO	TGTH1	32	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM TAN ANH ĐỨC	TGTH1	29-30	2	12		66	KH-THAC	Vietnamese
10	LA NGOC HOAN	TGTH1	31	1	9		74	HLJOC	Vietnamese
11	NGYEN DUC NHA	TGTH1	33,62	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN LỢI	HSD	81-82	2	12		55	THIEN PH	Vietnamese
13	NGUYỄN HUỆ	HSD	83-84	2	20		55	THIEN PH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	7	9	53	482	0	0		
2	TGTH1	4	6	44	270	0	4		
3	HSD	2	4	32	110	0	11		
TOTAL		13	19	129	862	0	15		
WEIGHT KG				129	862	0			

GRAND TOAL: 991 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/01/2022	TO: PPD - CTK3	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:30
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - NNam	ETA: 13:10
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	65	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	HOÀNG NHẬT QUANG	PPD	63	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
3	MAI XUAN TRU	PPD	54	1	9		71	KHI	Vietnamese
4	NGO SACH ĐUC	PPD	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN MINH ĐONG	PPD	57	1	3		48	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC CU	PPD	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH SON	PPD	64	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG KHOI	PPD	59	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN TRUNG	PPD	52-53	2	10		75	KHI	Vietnamese
10	PHAM VAN GIANG	PPD	61	1	5		63	PSV	Vietnamese
11	PHAN THANH HAI	PPD	60	1	6		60	PSV	Vietnamese
12	TÔ QUANG HUY	PPD	62	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH NAM	PPD	55	1	5		73	KHI	Vietnamese
14	VŨ THẾ LIÊN	PPD	58	1	9		70	PSV	Vietnamese
15	DINH NHO HOANG	CTK3	77	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM CONG UOC	CTK3	07	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	02	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	03	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO THE HUNG	CTK3	01	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DAO VIET HUNG	CTK3	04-05	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HOANG TUNG	CTK3	75-76	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	06	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	14	15	87	934	0	10		
2	CTK3	8	10	66	591	0	9		
TOTAL		22	25	153	1.525	0	19		
WEIGHT KG				153	1.525	0			

GRAND TOAL: 1.678 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

